

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001-8 - Toán ứng dụng 1
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đức	Tâm	3371010396	29/02/1990	6,00	1,50	2,90	
2	Nguyễn Quốc	Thái	3471010303	10/12/1990	9,00	6,00	6,90	
3	Lê Quốc	Trung	3471010354	26/08/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
4	Võ Hữu	Trung	3471010356	04/07/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
5	Mai Viết	Chung	3474010009	05/12/1992	6,50	1,80	3,20	
6	Nguyễn Thế	Hiền	3474010020	03/09/1992	3,00	,00	,90	
7	Phan Phú	Phước	3474010055	12/09/1992	6,00	6,80	6,60	
8	Đinh Thái Anh	Minh	3475010149	13/05/1992	,00	,00	,00	CT
9	Bùi Hữu	Nghị	3475010162	05/10/1990	,00	,00	,00	Nợ HPC
10	Mai Công	Trình	3475010310	19/02/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
11	Lê Ngọc	Hồng	3571010131	15/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
12	Trần	Nhon	3571010246	02/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
13	Lê Hồng	Cương	3571010779	29/03/1992	7,50	4,50	5,40	
14	Quảng Đại Trung	Hiếu	3571011239	02/09/1993	5,00	1,00	2,20	
15	Trịnh Hoài	Sơn	3571011511	30/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
16	Đoàn Tấn	Hưng	3571011681	24/06/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
17	Lê Nguyễn Dương	Linh	3574011089	17/03/1993	8,50			Nợ HP
18	Thái Minh	Ca	3574011142	03/11/1992	6,00	5,50	5,70	
19	Nguyễn Hồng	Đức	3574011795	11/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
20	Lê Thịnh	Hoài	3575010336	25/04/1993	3,50			
21	Nguyễn Đức	Thế	3575010376	11/05/1993	5,50	5,00	5,20	
22	Tăng Thái	Tĩnh	3575010452	21/01/1993	5,50	4,50	4,80	
23	Lê Phú	Quý	3575010666	02/12/1993	7,50	7,00	7,20	
24	Trần Cao Trung	Đông	3575010704	26/06/1993	4,00	5,80	5,30	
25	Bùi Văn	Huy	3575010830	26/11/1993	8,50	,80	3,10	
26	Nguyễn Thanh	Tú	3575011131	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
27	Lê Công	Báu	3575031620	07/09/1992	7,00	7,50	7,40	
28	Lê Thị Như	Hồng	3575031710	15/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
29	Nguyễn Minh	Kha	3671030100	06/10/1994	8,00	6,00	6,60	
30	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	9,00	7,00	7,60	
31	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994	9,00	7,30	7,80	
32	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	7,00			Nợ HP
33	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	9,00	8,00	8,30	
34	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	9,00	6,00	6,90	
35	Nguyễn Thanh	Tĩnh	3671030219	14/09/1991	8,50	6,50	7,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	8,50	7,00	7,50	
37	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	5,00	6,00	5,70	
38	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	2,00			
39	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	8,00	8,00	8,00	
40	Nguyễn Tấn	Thức	3671030305	15/06/1994	6,50	4,00	4,80	
41	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	7,50	6,00	6,50	
42	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	8,00	4,50	5,60	
43	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	4,00	6,80	6,00	
44	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	3,00	6,00	5,10	
45	Đình Văn	Nam	3671030401	10/05/1993	9,00	6,00	6,90	
46	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	3,50	2,30	2,70	
47	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	8,50	4,00	5,40	
48	Phạm Cao	Trí	3671030556	06/10/1994	5,50	3,50	4,10	
49	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993	9,00	2,30	4,30	
50	Võ Văn	Hùng	3671030701	20/03/1993	4,00			Nợ HP
51	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
52	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	8,00	3,00	4,50	
53	Lê Hữu	Toàn	3671030859	12/10/1994	8,00	6,00	6,60	
54	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	8,00	5,50	6,30	
55	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
56	Nguyễn Thanh	Hải	3671031121	24/01/1994	7,00	7,30	7,20	
57	Nguyễn Văn	Ninh	3671031129	05/06/1994	7,50	4,30	5,30	
58	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993	6,00	5,50	5,70	
59	Nguyễn Thế	Hùng	3671031186	15/05/1994	4,00	6,80	6,00	
60	Nguyễn Đức	Tài	3671031214	28/08/1994	6,50	5,30	5,70	
61	Nguyễn Sĩ	Tuấn	3671031261	10/11/1994	,00	,00	,00	CT
62	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993	8,50	6,00	6,80	
63	Lê Nhật	Tân	3671031469	13/07/1994	7,50	4,50	5,40	
64	Phạm Văn	Nghĩa	3671031478	22/06/1992	6,50	5,30	5,70	
65	Điệp Văn	Duy	3671031489	05/10/1993	6,00	4,50	5,00	
66	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994	6,00	4,50	5,00	
67	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
68	Trần Đình	Nam	3671040078	29/12/1994	2,50	4,30	3,80	
69	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	1,00	1,80	1,60	
70	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	6,00	4,50	5,00	
71	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	5,00	3,00	3,60	
72	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992	8,00	9,30	8,90	
73	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	5,00	3,00	3,60	
74	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	8,00	3,00	4,50	
75	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	5,50	3,30	4,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
77	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	6,00	6,30	6,20	
78	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	9,00	3,50	5,20	
79	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
80	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	1,00	,50	,70	
81	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	6,50	1,80	3,20	
82	Vũ Hải	Đặng	3671040512	19/08/1994	8,00	9,30	8,90	
83	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	6,50	5,30	5,70	
84	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	3,00	7,80	6,40	
85	Tổng Văn	Linh	3671040910	10/09/1993	5,50	7,50	6,90	
86	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	6,50	1,80	3,20	
87	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	9,00	7,50	8,00	
88	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	7,50	1,50	3,30	
89	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	5,50			
90	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	3,50			
91	Lê Minh	Tân	3671041293	26/07/1994	6,00	4,50	5,00	
92	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	8,50	4,50	5,70	
93	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	,00	,00	,00	CT
94	Phạm Sơn	Hùng	3671041641	02/04/1994	7,00	6,80	6,90	
95	Trần Khải	Cường	3671041895	21/05/1993	,50	3,00	2,30	
96	Nguyễn Đức	Linh	3671041948	18/03/1994	5,00	,00	1,50	
97	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	9,00	6,00	6,90	
98	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
99	Trần Xuân	Dưỡng	3671042018	08/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
100	Nguyễn Văn	Phê	3671051682	24/06/1992	6,00	1,80	3,10	
101	Nguyễn Minh	Khang	3672050047	27/03/1994	5,00	,30	1,70	
102	Nguyễn Trung	Trúc	3672050050	18/12/1994	3,50	5,50	4,90	
103	Phạm Việt	Việt	3672050094	12/09/1993	7,00	2,50	3,90	
104	Ngô Thanh	Nhân	3672050120	07/01/1994	5,00	5,00	5,00	
105	Nguyễn Đình	Tuấn	3672050891	23/09/1993	6,00	5,50	5,70	
106	Nguyễn Thái Duy	Thức	3672051198	16/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
107	Nguyễn Hoàng	Sơn	3672051607	16/08/1994	6,50	3,50	4,40	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)